

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/DS-PT

Ngày 04 tháng 01 năm 2024

V/v tranh chấp về thừa kế và yêu cầu
hủy giấy chứng nhận QSD đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các Thẩm phán: Ông Vũ Minh Tuấn
Ông Đặng Văn Hưng

Thư ký phiên tòa: Bà Vy Minh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phan Diệu Nhân, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 04 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 387/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc “tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14990/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ninh Công S, sinh năm 1959; địa chỉ tạm trú: thôn L, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định; địa chỉ cư trú: Nhà số A thôn P, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông Ninh Xuân H, sinh năm 1971 và bà Hoàng Thị G, sinh năm 1975; cùng địa chỉ: thôn L, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Ninh Thị T, sinh năm 1959;

3.2. Bà Ninh Thị H1, sinh năm 1968;

3.3. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1967

Cùng địa chỉ: thôn L, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của bà G, bà T, bà H1: Ông Ninh Xuân H (là bị đơn trong vụ án).

3.4. Ủy ban nhân dân huyện Ý, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Sinh T1, Chủ tịch UBND huyện Ý, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Bình Đ, Phó Chủ tịch UBND huyện Ý, tỉnh Nam Định.

4. Người kháng cáo: Ông Ninh Công S (là nguyên đơn).

(Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Ninh Công S, ông Ninh Xuân H, bà Hoàng Thị G, bà Ninh Thị T, bà Nguyễn Thị H2 có mặt; những người tham gia tố tụng khác vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là ông Ninh Công S trình bày:

Bố mẹ ông là cụ Ninh Xuân V (chết ngày 28/7/1990) và cụ Lại Thị L (chết ngày 23/10/1997) có 04 người con gồm: bà Ninh Thị T, ông (Ninh Công S), bà Ninh Thị H1 và ông Ninh Xuân H (cụ V, cụ L không có con riêng, con nuôi); hai cụ chết không để lại di chúc, để lại tài sản là hai thửa đất ở tại thôn L, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định gồm: thửa số 109, tờ bản đồ số 12, diện tích 312m² (trên đất có 4 gian nhà từ đường nằm ở phía Nam của thửa đất, ông đã sửa lại hết 600 triệu đồng) và thửa số 72, tờ bản đồ số 12, diện tích 418m² (thửa đất này ông đã vượt lập hết 130 triệu đồng).

Ngày 14/11/2017, anh em ông đã đến Ủy ban nhân dân (UBND) xã Y, huyện Ý để lập “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế” với nội dung thống nhất ông S được hưởng một nửa phần di sản của bố mẹ để lại, cụ thể: ông S được thừa kế 156m² đất thuộc thửa số 109 và 209m² đất thuộc thửa số 72; ông H được hưởng một nửa phần di sản còn lại; bà Ninh Thị T và bà Ninh Thị H1 đã tự nguyện tặng cho toàn bộ quyền hưởng di sản thừa kế của mình đối với hai thửa đất trên cho ông S và ông H.

Sau khi Văn bản thỏa thuận chia di sản thừa kế được lập tại UBND xã Y ngày 14/11/2017 thì ông phát hiện ông Ninh Xuân H và bà Hoàng Thị G đã lén lút làm thủ tục sang tên toàn bộ diện tích đất thuộc hai thửa đất trên đứng tên ông Ninh Xuân H và bà Hoàng Thị G. Việc làm sai trái trên của ông H và bà G đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền được thụ hưởng di sản thừa kế hợp pháp của ông.

Vì vậy, ông S khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất số AP 358868 và số AP 358869 do UBND huyện Ý cấp ngày 11/6/2009 cho ông Ninh Xuân H và bà Hoàng Thị G; đồng thời yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ V, cụ L theo nội dung Văn bản thỏa thuận ngày 14/11/2017 mà các anh em đã thỏa thuận.

2. Bị đơn là ông Ninh Xuân H trình bày:

Bố ông (cụ V) qua đời năm 1990, sau đó mẹ ông (cụ L) bị bệnh mất trí nhớ và không làm chủ được hành vi. Tháng 02/1991, ông S đưa vợ con vào Lâm Đồng làm ăn nên ông S bàn giao cho ông H ở nhà chăm sóc mẹ và gia đình; đồng thời, ông H được thừa hưởng toàn bộ tài sản của bố mẹ để lại, ông S đã cầm của ông H 550.000 đồng tương đương với 03 chỉ vàng. Khi đó, bà T và bà H1 cũng nói là con gái không lấy phần thừa kế mà giao cho anh em trai tự thỏa thuận. Tháng 11/1993 ông bốc mộ cho bố, sau đó cưới vợ. Trong thời gian từ tháng 01/1991 đến tháng 12/1993 ông S không về, cũng không đóng góp cũng như hỏi thăm sức khỏe của mẹ. Tháng 11/1997 mẹ ông qua đời, ông S có về chịu tang nhưng trong thời gian từ tháng 02/1991 đến tháng 11/1997, ông S không thăm hỏi, không đóng góp tiền nuôi mẹ, tiền mai táng mẹ. Trước khi về Lâm Đồng, ông S họp gia đình và công bố trước mọi người là giao toàn bộ đất nhà, ao cho ông H thụ hưởng, đồng thời làm tiếp các công việc về sau bao gồm việc thờ cúng bố mẹ, tổ tiên và công việc hậu mai táng bố mẹ. Khi đi, ông H đưa cho ông S 500.000 đồng (tương đương 01 chỉ vàng).

Năm 2001, bà H2 (vợ ông S) gọi điện về yêu cầu ông H đưa tiền cho ông S chạy chữa vết thương nên ông đã gửi cho ông S 500.000 đồng. Tháng 02/2002, bà H2 lại gọi điện yêu cầu ông gửi tiền vì lý do ông S bị tai nạn nên ông đã vào Lâm Đồng, đến nơi thì thấy ông S vẫn bình thường. Ông S nói ông H đã được nhà đất và ao và hỏi tiền ông nên ông H đã đưa cho ông S 2.000.000 đồng, tương đương 05 chỉ vàng.

Năm 2017, ông S về quê yêu cầu chia đất và phát sinh tranh chấp. Ngày 14/11/2017 anh em ông đã đến UBND xã Y thống nhất phân chia tài sản, bà T và bà H1 nhường di sản của bố mẹ cho ông H và ông S, ông H và ông S mỗi người được một nửa diện tích đất nhưng đến lúc đo thực tế thì đất ao không đủ diện tích như trong GCNQSD đất nên ông S đã khởi kiện. Ông H có quan điểm đối với thửa 109 thì chia đôi cho ông và ông S, còn thửa số 72 thì chia cho 04 anh em, ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

Bà Hoàng Thị G đồng ý với quan điểm của ông Ninh Xuân H.

3. Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Ninh Thị T và bà Ninh Thị H1 đồng quan điểm với ông Ninh Xuân H.

3.2. Bà Nguyễn Thị H2 đồng quan điểm với ông Ninh Công S.

3.3. Ủy ban nhân dân huyện Ý đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

4. Kết quả thu thập chứng cứ:

4.1. Kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ tại UBND xã Y:

Theo hồ sơ địa chính và bản đồ địa chính xã Y lập năm 1985, thửa đất đang có tranh chấp là của cụ Ninh Xuân V và cụ Lại Thị L (đất ở là thửa số 210, tờ bản đồ số 13, diện tích 310m²; đất ao là thửa số 64, tờ bản đồ số 9, diện tích 382m²). Theo hồ sơ địa chính, bản đồ địa chính xã Y lập năm 1993 thì thửa đất ở là thửa số 109, tờ bản đồ số 12, diện tích 312m²; thửa đất ao là thửa số 72, tờ bản đồ số 12, diện

tích 418m². Theo hồ sơ địa chính, bản đồ địa chính xã Y lập năm 1993 chỉnh lý năm 2001 thì thửa đất ở là thửa số 109, tờ bản đồ số 12, diện tích 312m²; thửa đất ao là thửa số 72, tờ bản đồ số 12, diện tích 418m². Ngày 11/6/2009, UBND huyện Ý đã cấp GCNQSD đất đối với 02 thửa đất nêu trên cho vợ chồng ông H, bà G. Năm 2017, UBND xã Y giải quyết tranh chấp đất theo yêu cầu của ông S. Ngày 14/11/2017 UBND xã Y có xác nhận văn bản phân chia tài sản cho anh em ông S.

4.2. Kết quả đo đạc và xem xét, thẩm định tại chỗ:

Thửa đất số 109, tờ bản đồ số 12, diện tích là 319,9m² có tứ cận: Phía Đông giáp nhà ông Đào Duy A và bà C dài 22,24m; phía Tây giáp đất ông S1, giáp đường ngõ dài 20,7m; phía Nam giáp đất ông S1 dài 14,9m; phía Bắc giáp đất ông T2 dài 16,3m.

Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 12, diện tích là 339,7m² có tứ cận: Phía Đông giáp ngõ vào nhà ông H (giáp đất ông Đ1) dài 14,7m ; phía Tây giáp đất ông K dài 17,6m ; phía Nam giáp đường dài 18,8m ; phía Bắc giáp đất ông H, ông T3 dài 21,4m.

Trên đất có một số công trình xây dựng được mô tả chi tiết trong biên bản thẩm định tại chỗ.

4.3. Tại Văn bản số 2456/CNVPĐKĐĐ ngày 04/8/2023, Chi nhánh Văn phòng Đ2 cung cấp:

a) Về bản đồ và hồ sơ địa chính:

Theo bản đồ địa chính xã Y lập năm 1985, thửa đất số 64 tờ số 9 diện tích 382m² và thửa đất số 210 tờ số 13 diện tích 310m² đều không có tên chủ sử dụng đất. Theo sổ mục kê đất đai năm 1985, tại thửa đất số 64, tờ số 9, diện tích 382m² không ghi loại đất và chủ sử dụng; tại thửa đất số 210, tờ số 13, diện tích 310m², loại đất là thổ cư (T), chủ sử dụng là cụ V. Hiện nay bản đồ và sổ mục kê lập nêu trên đang lưu trữ tại UBND xã Y.

Theo bản đồ địa chính xã Y lập năm 1993: tại thửa đất số 72, tờ số 12, diện tích 449m² đất ao; tại thửa đất số 109, tờ số 12, diện tích 312m² đất ở. Theo sổ mục kê đất đai lập năm 1993, cả 02 thửa đất trên đều mang tên cụ Ninh Công V1. Hiện nay bản đồ đang lưu trữ tại kho của phòng T4;

Theo bản đồ địa chính xã Y lập năm 1993, chỉnh lý năm 2001: thửa đất số 72, tờ số 12, diện tích 418m² đất ao mang tên ông H; thửa đất số 109, tờ số 12, diện tích 312m² đất ở mang tên ông H. Hiện nay bản đồ chỉnh lý kiểm kê năm 2010 đang lưu trữ tại chi nhánh Văn phòng Đ2.

Tại kho của phòng T4 có lưu trữ danh sách hộ sử dụng đất hợp pháp của 1796 hộ sử dụng đất trong khu dân cư trên địa bàn xã Y, trong đó có hộ cụ Ninh Công V1 sử dụng thửa đất số 72, tờ số 12, diện tích 449m² đất ao (tại trang 16, số thứ tự 316) và thửa đất số 109, tờ số 12, diện tích 312m² đất ở (tại trang 80, số thứ tự 1764). Tuy nhiên danh sách hộ sử dụng đất hợp pháp này không ghi rõ năm lập, không có xác nhận của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(Có sao lục bản đồ, sổ mục kê, danh sách hộ sử dụng đất hợp pháp kèm theo).

b) Về hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Tại kho lưu trữ của phòng T4, Chi nhánh Văn phòng Đ2 không tìm thấy hồ sơ cấp GCNQSD đất của ông Ninh Xuân H và bà Hoàng Thị G.

5. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã quyết định:

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ninh Công S yêu cầu chia thừa kế tài sản và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 358868 và giấy chứng nhận số AP 358869 do UBND huyện Ý cấp ngày 11/06/2009 cho ông Ninh Xuân H và bà Hoàng Thị G.

3. Chia di sản thừa kế của cụ Ninh Xuân V và cụ Lại Thị L:

3.1. Xác định di sản thừa kế của cụ Ninh Xuân V và cụ Lại Thị L: Là thừa số 109, tờ bản đồ số 12, có diện tích là 312m² (đo hiện trạng là 319,9m²) và thửa số 72, tờ bản đồ số 12, có diện tích là 382m² tại thôn L, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định. Trên đất không còn công trình xây dựng và tài sản gì của cụ V, cụ L còn giá trị. Tổng giá trị đất là 701.900.000 đồng.

3.2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Ninh Thị H1 và bà Ninh Thị Thanh t cho kỷ phần thừa kế của mình đối với thửa đất số 109 tờ bản đồ số 12 tại thôn L, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định cho ông Ninh Công S và ông Ninh Xuân H. Chia cho ông Ninh Công S 160m², vị trí phía Đông giáp nhà giáp đất ông A và bà C dài 8m, giáp đường dài 2.2m; phía Tây giáp đất ông S1 dài 9,9m, giáp đường ngõ dài 1,3m; phía Nam giáp đất ông M, giáp đường ngõ là đường gấp khúc dài 14,9m; phía Bắc giáp đất ông Ninh Xuân H là đường gấp khúc dài 17m. Chia cho ông H 159,9m², vị trí phía Đông giáp đất ông A (thửa 108) dài 12,2m; phía Tây giáp đất đường ngõ dài 9,5m; phía Nam giáp đất ông S là đường gấp khúc dài 17m; phía Bắc giáp đất ông T2 dài 16,3m. Thuộc thửa số 109, tờ bản đồ số 12 tại thôn L, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định (có sơ đồ kèm theo). Bà H1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông S tiền san lấp mặt bằng với số tiền tương ứng là 17.000.000 (mười bảy triệu) đồng.

3.3. Chia cho ông S 95,5m², vị trí phía Đông giáp đất bà H1 dài 17m; phía Tây giáp đất ông K dài 17,6m; phía Nam giáp đường dài 5,4m; phía Bắc giáp đất ông H, ông T3 dài 5,7m. Chia cho ông H 191m², vị trí phía Đông giáp nhà giáp đất ông H, ông Đặng d 14,3m; phía Tây giáp đất bà H1 dài 16,2m; phía Nam giáp đường dài 12,1m; phía Bắc giáp đất ông H dài 12,6m. Chia cho bà H1 95,5m², vị trí phía Đông giáp nhà giáp đất ông H dài 16,2m; phía Tây giáp đất ông S dài 17m; phía Nam giáp đường dài 5,7m; phía Bắc giáp đất ông H dài 5,8m. Thuộc thửa số 72, tờ bản đồ số 12 tại thôn L, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định (có sơ đồ kèm theo).

3.4. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của Tòa án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm; nghĩa vụ chịu lãi suất trong trường hợp người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền phải thi hành án còn lại; phổ biến quyền kháng cáo và thủ tục thi hành bản án dân sự cho các đương sự theo quy định.

6. Kháng cáo:

Ngày 29/8/2013, nguyên đơn là ông Ninh Công S có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy 02 GCNQSD đất mang tên ông Ninh Xuân H, bà Hoàng Thị G và giải quyết theo văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 14/11/2017.

7. Tại phiên tòa phúc thẩm:

7.1. Nguyên đơn là ông Ninh Công S giữ nguyên đơn khởi kiện và đơn kháng cáo.

7.2. Bị đơn là ông Ninh Xuân H phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

7.3. Hội đồng xét xử đã giải thích và tạo điều kiện cho các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

7.4. Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án cấp phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt một số người tham gia tố tụng là đúng quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập, xem xét và đánh giá đầy đủ chứng cứ, lời trình bày của các đương sự. Từ đó, đã quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ninh Công S về việc chia di sản thừa kế của cụ V, cụ L đối với 02 thửa đất (thửa số 109 và thửa số 72) theo diện tích thực tế và hủy 02 GCNQSD đất của UBND huyện Ý đã cấp cho ông Ninh Xuân H, bà Hoàng Thị G là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông Ninh Công S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nhưng tại phiên tòa phúc thẩm ông S trình bày ông chỉ không đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm phân chia diện tích của thửa đất số 72, vì theo hồ sơ nguồn gốc đất thì thửa đất này có diện tích 418m² và đã được cả 04 chị em thỏa thuận ngày 14/11/2017 là chia cho ông được ½ thửa đất nên ông yêu cầu phải được chia 209m². Xét thấy, theo bản đồ địa chính 1993 và sổ mục kê năm 1993 thể hiện thửa đất 72, tờ bản đồ 12 có diện tích 449m²; bản đồ địa chính năm 1993 được chỉnh lý năm 2001 thửa đất có diện tích là 418m²; UBND huyện Ý xác định diện tích thửa đất có sự khác nhau là do chủ sử dụng kê khai và do sai số kỹ thuật, đất chưa có sự chuyển nhượng; ông H khai quá trình sử dụng gia đình ông có lấp một phần ao mở rộng lối đi và sử dụng đất ổn định đến nay. Hiện trạng do Tòa cấp sơ thẩm đo đạc thẩm định tại chỗ có diện tích 339,7m² và cộng phần lối đi thành 382m² là phù hợp với bản đồ địa chính

năm 1985 ghi nhận về diện tích thửa đất. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất số 72, tờ bản đồ 12 có diện tích 382m² để chia thừa kế theo pháp luật cho 04 người con, mỗi kỹ phần là 95,5m²; do bà T cho phần di sản được hưởng cho ông Ninh Xuân H nên Tòa án cấp sơ thẩm chia cho ông S 95,5m², bà H1 95,5m² và ông H 191m² là có căn cứ pháp luật. Kháng cáo của ông Ninh Công S là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Ninh Công S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự, của người đại diện hợp pháp của các đương sự, của những người tham gia tố tụng khác và ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 17 tháng 10 năm 2022, ông Ninh Công S đến Tòa án nộp Đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của cụ Ninh Xuân V (chết ngày 28/7/1990) và cụ Lại Thị L (chết ngày 23/10/1997) để lại theo nội dung Văn bản thỏa thuận ngày 14/11/2017 giữa các anh chị em của ông và yêu cầu Tòa án tuyên hủy 02 GCNQSD đất số AP 358868 và số AP 358869 của UBND huyện Ý cấp ngày 11/6/2009 cho ông Ninh Xuân H và bà Hoàng Thị G. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Quá trình tố tụng, các đương sự đều thống nhất xác định:

Cụ Ninh Xuân V (chết năm 1990) và cụ Lại Thị L (chết năm 1997) có 04 người con gồm: bà Ninh Thị T, ông Ninh Công S, bà Ninh Thị H1 và ông Ninh Xuân H, ngoài ra hai cụ không có người con nào khác. Cụ V và chị L khi chết đều không để lại di chúc, để lại tài sản là 02 thửa đất tại thôn L, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định, theo hồ sơ địa chính lập năm 1993 gồm: thửa đất ở số 109, tờ bản đồ số 12, diện tích 312m² và thửa đất ao số 72, tờ bản đồ số 12, diện tích 418m²; cả hai thửa đất này đều mang tên cụ Ninh Công V1 (sau đây viết tắt là: thửa đất số 109 và thửa đất số 72).

Ngày 14/11/2017, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ V1 và cụ L gồm bà Ninh Thị T, ông Ninh Công S, bà Ninh Thị H1, ông Ninh Xuân H đã lập “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế” tại UBND xã Y với nội dung thống nhất: ông Ninh Công S và ông Ninh Xuân H mỗi người được hưởng thừa kế quyền sử dụng 156m² đất ở thuộc thửa số 109, tờ bản đồ số 12 lập năm 1993 và 209m² đất ao thuộc thửa số 72, tờ bản đồ số 12 lập năm 1993. “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế” này được UBND xã Y chứng thực cùng ngày 14/11/2017 (sau khi đã thực hiện niêm yết nội dung phân chia di sản thừa kế nêu trên từ ngày 30/10/2017 đến ngày 14/11/2017). Tuy nhiên sau đó, khi thực hiện việc sử dụng đất theo nội dung “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế” ngày 14/11/2017 thì do diện tích đất ao trên thực tế không đủ so với diện tích thể hiện trong GCNQSD đất nên đã xảy ra tranh chấp giữa ông S với ông H. Sự việc đã được UBND xã Y hòa giải ngày 26/8/2019 nhưng sau đó các bên vẫn không thỏa thuận được nên ông S khởi kiện.

Căn cứ vào quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định những tình tiết, sự kiện trên là sự thật.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định cụ Ninh Xuân V và cụ Lại Thị L khi chết không để lại di chúc, để lại khối tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 109 và thửa đất số 72, cùng tờ bản đồ số 12 đo đạc năm 1993. Việc UBND huyện Ý cấp GCNQSD đất ngày 11/6/2009 cho ông H, bà G đối với 02 thửa đất này không có sự đồng ý của các đồng thừa kế là trái quy định của pháp luật nên đã quyết định hủy 02 GCNQSD đất này là có căn cứ.

[3] Về việc xác định di sản và chia thừa kế: Như đã nêu tại mục [1] ở trên, mặc dù “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế” lập ngày 14/11/2017 thể hiện đúng ý chí của những người thừa kế của cụ V, cụ L tại thời điểm lập văn bản và đã được UBND xã Y chứng thực. Tuy nhiên sau đó những người được hưởng di sản lại không thống nhất được việc sử dụng đất; các bên chưa làm thủ tục kê khai, đăng ký theo quy định của pháp luật về đất đai. Vì vậy, trên cơ sở yêu cầu và ý kiến của các đương sự, hồ sơ quản lý đất đai qua các thời kỳ, hiện trạng sử dụng đất, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định di sản thừa kế của cụ V, cụ L để lại là quyền sử dụng thửa đất số 109, diện tích hiện trạng là 319,9m² và thửa đất số 72 mặc dù hiện trạng có diện tích là 339,7m² nhưng cộng cả phần diện tích đất ông H đã san lấp làm lối đi vào thửa đất ông H nhận chuyển nhượng của người khác thành 382m² là di sản thừa kế; từ đó, đã quyết định chia di sản thừa kế của cụ V, cụ L cho những người thừa kế và giải quyết những nội dung có liên quan là đúng quy định của pháp luật, phù hợp với ý chí và bảo đảm quyền lợi hợp pháp của các đương sự.

[4] Ông Ninh Công S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nhưng tại phiên tòa phúc thẩm ông S trình bày ông nhất trí với bản án sơ thẩm về nội dung hủy 02 GCNQSD đất của UBND huyện Ý đã cấp cho vợ chồng ông H và bà G ngày 11/6/2009 và việc phân chia thửa đất số 109; ông chỉ yêu cầu được chia 1/2 quyền sử dụng thửa đất số 72 theo diện tích thể hiện tại trích lục bản đồ và biên bản thỏa thuận là 209m². Hội đồng xét xử xét thấy: Tại tờ bản đồ địa chính và sổ mục kê lập năm 1985 thì thửa đất này thể hiện có diện tích 382m²; tại tờ bản đồ địa chính và sổ mục kê lập năm 1993 thể hiện thửa đất có diện tích 449m²; tại tờ bản đồ địa chính lập năm 1993 chỉnh lý năm 2001 thì thửa đất này có diện tích 418m². Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện hiện trạng của thửa đất số 72 có diện tích 339,7m², cộng cả phần diện tích đất ông H đã san lấp làm lối đi phía Đông thửa đất thành 382m² (bằng diện tích thể hiện tại bản đồ địa chính năm 1985). Về sự chênh lệch diện tích của thửa đất trong hồ sơ địa chính qua các thời kỳ đã được UBND xã Y xác định là do chủ sử dụng đất kê khai, một phần do sai số khi đo đạc, không có sự chuyển nhượng đất. Quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông S cho rằng diện tích đất thiếu là do ông H làm nhà lấn chiếm phần ao phía Bắc nhưng xem xét hiện trạng thực tế (bút lục: 151) so với hình thể, diện tích thửa đất tại Trích lục bản đồ địa chính năm 1985 (bút lục: 125) thì thấy ý kiến của ông S nêu trên là không có cơ sở. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào tờ bản đồ địa chính năm 1985 là tài liệu đầu tiên thể hiện nguồn gốc thửa đất so sánh với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và lý do chênh lệch về diện tích của thửa đất tại hồ sơ địa chính qua các thời

kỳ để xác định thửa đất số 72 có diện tích 382m² là di sản thừa kế của cụ V, cụ L để chia thừa kế là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông S không đưa ra được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh nguồn gốc thửa đất số 72 có diện tích là 418m² như ông trình bày nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Ông Ninh Công S có kháng cáo không được chấp nhận nhưng là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Ninh Công S; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Ông Ninh Công S được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho ông Ninh Công S 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm do bà Nguyễn Thị H2 nộp thay ông S tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nam Định theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006897 ngày 31 tháng 8 năm 2023.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 04/01/2024.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

Nguyễn Xuân Điền